

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 110/2020/DS-PT

Ngày: 26-5-2020

“Về việc xác định quyền sở hữu
trong khối tài sản chung”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Trần Duy Tuấn.
- Các Thẩm phán: Ông Y Phi Kbuôr; Ông Trần Anh Tuấn.
- Thư ký phiên toà: Ông Trương Xuân Hải – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đăk Lăk.
- Đại diện VKSND tỉnh Đăk Lăk tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Chí Hiếu - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 5 năm 2020, Tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Đăk Lăk mở phiên toà xét xử công khai vụ án dân sự phúc thẩm thụ lý số: 81/2020/TLPT-DS ngày 25/02/2020 về việc “*Xác định quyền sở hữu trong khối tài sản chung*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 01/2020/DSST ngày 13/01/2020 của Toà án nhân dân huyện Ea H’leo bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 102/2020/QĐ-PT ngày 23/3/2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Hồng H; trú tại: Tổ dân phố 8, thị trấn Đ, huyện H, tỉnh Đăk Lăk (vắng mặt).

- Người đại diện theo ủy quyền của bà H: Ông Lê Thanh K; trú tại: 69 đường C, thành phố B, tỉnh Đăk Lăk (có mặt).

2. Bị đơn: Ông Lê Đình H, bà Phạm Thị K; trú tại: Thôn 7, xã C, huyện H, tỉnh Đăk Lăk. Người đại diện theo ủy quyền của ông Lê Đình H: Bà Phạm Thị K (có mặt).

3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

3.1. Anh Lê Đình T, sinh ngày 01/01/1996; trú tại: Thôn 7, xã C, huyện H, tỉnh Đăk Lăk (có mặt).

3.2. Anh Lê Đình L, sinh ngày 03/8/1998; trú tại: Thôn 7, xã C, huyện H, tỉnh Đắk Lắk. Người đại diện theo ủy quyền của anh L: Bà Phạm Thị K; trú tại: Thôn 7, xã C, huyện H, tỉnh Đắk Lắk (có mặt).

3.3. Chi cục thi hành án dân sự huyện E, tỉnh Đắk Lắk.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Đặng Công C – chức vụ: Chấp hành viên Chi cục thi hành án dân sự huyện E (có đơn xin xét xử vắng mặt).

4. Người kháng cáo: Ông Lê Thanh K là đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trong vụ kiện bà Nguyễn Thị Hồng H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Hồng H trình bày:

Tại bản án phúc thẩm số 105a/2016DS-PT ngày 04/8/2016 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk đã tuyên: Buộc vợ chồng ông Lê Đình H và bà Phạm Thị K phải trả cho vợ chồng bà Nguyễn Thị Hồng H số tiền 2.161.255.000 đồng và lãi suất quá hạn.

Sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, bà H làm đơn yêu cầu thi hành án và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ea H'Leo đã ban hành Quyết định Thi hành án số 1090 và đã tiến hành xác minh vợ chồng ông Lê Đình H, bà K có các tài sản gồm:

- Thửa đất số 83; tờ bản đồ 22; diện tích: 10.241m²; địa chỉ: tại thôn 7, xã C, huyện H, đã được UBND huyện H cấp giấy CNQSDĐ số BN 562586, ngày 21/5/2013;

- Thửa đất số 84; tờ bản đồ 22; diện tích: 1.877 m²; địa chỉ: tại thôn 7, xã C, huyện H, đã được UBND huyện H cấp giấy CNQSDĐ số BN 562587, ngày 21/5/2013;

- Thửa đất số 85; tờ bản đồ 22; diện tích: 5.178 m²; địa chỉ: tại thôn 7, xã C, huyện H, đã được UBND huyện H cấp giấy CNQSDĐ số BN 562588, ngày 21/5/2013;

- Thửa đất số 86; tờ bản đồ 22; diện tích: 8.471 m²; địa chỉ: tại thôn 7, xã C, huyện Ea H, đã được UBND huyện H cấp giấy CNQSDĐ số BN 562589, ngày 21/5/2013;

- Thửa đất số 143; tờ bản đồ 20; diện tích: 8.560 m²; địa chỉ: tại thôn 6b, xã C, huyện H, đã được UBND huyện H cấp giấy CNQSDĐ số BP 196265, ngày 25/7/2013;

Chi cục thi hành án dân sự huyện H đã xác định khối tài sản chung của vợ chồng ông Lê Đình H, bà K nêu trên có công sức đóng góp của các con để chia phần cho các con của ông Lê Đình H, bà K. Bà H cho rằng việc phân chia như trên là không có căn cứ, vì lý do nguồn gốc các lô đất trên là do ông Lê Đình H, bà K nhận chuyển nhượng của người khác vào năm 2002 và tại thời điểm đó các con của ông Lê Đình H, bà K mới được 6 tuổi và 4 tuổi, nên các con ông Lê Đình H, bà K không có công sức đóng góp trong khối tài sản trên. Khi kê khai làm thủ tục cấp giấy chứng

nhận quyền sử dụng đất thì ông Lê Đình H, bà K chỉ kê khai tên của ông Lê Đình H, bà K mà không kê khai tên các con của ông, bà.

Nay bà H đề nghị Tòa án công nhận các tài sản trên là của ông Lê Đình H, bà K không có phần của các con ông Lê Đình H, bà K để đảm bảo Thi hành án.

- Bị đơn bà Phạm Thị K và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Lê Đình T, Lê Đình L trình bày:

Ông Lê Đình H bà Phạm Thị K thừa nhận có tạo lập được những tài sản như chi cục Thi hành án dân sự huyện Ea H'Leo xác minh như đã nêu ở phần trên. Nguồn gốc Thừa đất số 143; tờ bản đồ 20; diện tích: 8.560 m²; địa chỉ: tại thôn 6b, xã C, huyện H, đã được UBND huyện H cấp giấy CNQSDĐ số BP 196265, ngày 25/7/2013, vợ chồng ông Lê Đình H, bà Phạm Thị K nhận chuyển nhượng của người khác vào năm năm 2004; Các lô đất còn lại thì vợ chồng ông Lê Đình H, bà Phạm Thị K nhận chuyển nhượng vào khoảng năm 2011. Trong quá trình sử dụng thì các con của bà K là Lê Đình T và Lê Đình L có công sức giúp đỡ trồng cà phê, trồng cây hồ tiêu và công sức tôn tạo, duy trì phát triển giá trị khối tài sản chung.

Nay ông Lê Đình H bà Phạm Thị K và các con là Lê Đình T, Lê Đình L yêu cầu Tòa án trong quá trình xác định quyền sở hữu trong khối tài sản của vợ chồng thì tính đến công sức đóng góp của các con là Lê Đình T, Lê Đình L vì các con có công sức đóng góp trong các tài sản trên.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 01/2020/DSST ngày 13/01/2020 của Tòa án nhân dân huyện Ea H'leo đã quyết định:

Áp dụng Điều 26, Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 29 Điều 3 Luật đất đai năm 2013, các Điều 102; Điều 212; Điều 165 của Bộ luật dân sự năm 2015; điểm a khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Quốc Hội.

Tuyên xử: Chấp nhận một phần đơn khởi kiện của bà Nguyễn Thị Hồng H. Xác định công sức đóng góp tạo lập khối tài sản chung của hộ ông Lê Đình H, bà Phạm Thị K như sau:

Đối với các tài sản chung của vợ chồng ông Lê Đình H và bà Phạm Thị K là các tài sản gồm:

- Thừa đất số 83; tờ bản đồ 22; diện tích: 10.241m²; địa chỉ: tại thôn 7, xã C, huyện H, đã được UBND huyện H cấp giấy CNQSDĐ số BN 562586, ngày 21/5/2013;

- Thừa đất số 84; tờ bản đồ 22; diện tích: 1.877 m²; địa chỉ: tại thôn 7, xã C, huyện H, đã được UBND huyện H cấp giấy CNQSDĐ số BN 562587, ngày 21/5/2013;

- Thừa đất số 85; tờ bản đồ 22; diện tích: 5.178 m²; địa chỉ: tại thôn 7, xã C, huyện H, đã được UBND huyện H cấp giấy CNQSDĐ số BN 562588, ngày 21/5/2013;

- Thửa đất số 86; tờ bản đồ 22; diện tích: 8.471 m²; địa chỉ: tại thôn 7, xã C, huyện H, đã được UBND huyện H cấp giấy CNQSDĐ số BN 562589, ngày 21/5/2013;

- Thửa đất số 143; tờ bản đồ 20; diện tích: 8.560 m²; địa chỉ: tại thôn 6b, xã C, huyện H, đã được UBND huyện H cấp giấy CNQSDĐ số BP 196265, ngày 25/7/2013;

Vợ chồng ông Lê Đình H bà Phạm Thị K có công sức tạo lập là 80% giá trị khối tài sản chung;

Anh Lê Đình T, sinh ngày 01/01/1996 được hưởng 10% giá trị khối tài sản nêu trên.

Anh Lê Đình L, sinh ngày 03/8/1998 được hưởng 10% giá trị khối tài sản nêu trên.

Về chi phí thẩm định và định giá tài sản: bà Nguyễn Thị Hồng H phải chịu 1.000.000 đồng chi phí thẩm định và 3.000.000 đồng tiền định giá tài sản, khấu trừ vào số tiền bà H đã nộp tại Tòa án nhân dân huyện Ea H'Leo theo biên bản giao nhận ngày 23/9/2019 và ngày 12/11/2019 lưu tại hồ sơ vụ án.

Về án phí: Vợ chồng ông Lê Đình H, bà Phạm Thị K phải chịu 300.000 đồng án phí Dân sự sơ thẩm. Trả lại cho bà Nguyễn Thị Hồng H 300.000 đồng tạm ứng án phí Dân sự sơ thẩm đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện H theo biên lai số 000762 ngày 15/5/2019.

Ngoài ra bản án còn tuyên quyền kháng cáo, quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án cho các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 22 tháng 01 năm 2020 ông Lê Thanh K là đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn kháng cáo cho rằng: Các thửa đất nêu trên do vợ chồng ông Lê Đình H, bà Phạm Thị K nhận chuyển nhượng từ khi anh Lê Đình T, Lê Đình L còn nhỏ. Do đó, anh T, anh L không đóng góp công sức cho việc tạo lập khối tài sản trên. Cấp sơ thẩm xác định anh T, anh L mỗi người được hưởng 1/10 trong khối tài sản là không có căn cứ. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm xét xử theo hướng chấp nhận toàn bộ đơn khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn giữ nguyên đơn khởi kiện và nội dung kháng cáo.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk phát biểu quan điểm:

- Về tố tụng: Trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử và các đương sự đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Đơn kháng cáo của ông Lê Thanh K (là đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Hồng H) nộp trong hạn luật định và đã nộp tạm ứng án phí nên được chấp nhận giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

- Về nội dung: Qua phân tích, đánh giá lời khai của các đương sự, tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk xác định kháng cáo của đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Lê Thanh K là có căn cứ để chấp

nhận. Đề nghị, Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 148; khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, chấp nhận đơn kháng cáo của ông Lê Thanh K, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn – Sửa bản án dân sự sơ thẩm số 01/2020/DSST ngày 13/01/2020 của Toà án nhân dân huyện Ea H’leo, tỉnh Đắk Lắk theo hướng chấp nhận toàn bộ đơn khởi kiện của nguyên đơn.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ các tài liệu chứng cứ lời trình bày của các đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của ông Lê Thanh K làm trong hạn luật định và có nộp tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm là hợp pháp nên được chấp nhận.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét kháng cáo của ông Lê Thanh K là đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Hồng H, Hội đồng xét xử xét thấy:

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Lê Đình H, bà Phạm Thị K cho rằng nguồn gốc thửa đất số 143, tờ bản đồ 20, diện tích: 8.560 m², địa chỉ: tại thôn 6b, xã C, huyện H, đã được UBND huyện H cấp giấy CNQSDĐ số BP 196265, ngày 25/7/2013 là do nhận chuyển nhượng vào năm 2004.

Các thửa đất số 83, tờ bản đồ 22, diện tích: 10.241m², địa chỉ: tại thôn 7, xã C, huyện H, đã được UBND huyện H cấp giấy CNQSDĐ số BN 562586 ngày 21/5/2013; thửa đất số 84, tờ bản đồ 22, diện tích: 1.877 m², địa chỉ: tại thôn 7, xã C, huyện H, đã được UBND huyện H cấp giấy CNQSDĐ số BN 562587 ngày 21/5/2013; thửa đất số 85, tờ bản đồ 22, diện tích: 5.178 m², địa chỉ: tại thôn 7, xã C, huyện H, đã được UBND huyện H cấp giấy CNQSDĐ số BN 562588 ngày 21/5/2013; thửa đất số 86, tờ bản đồ 22, diện tích: 8.471 m², địa chỉ: tại thôn 7, xã C, huyện H, đã được UBND huyện H cấp giấy CNQSDĐ số BN 562589, ngày 21/5/2013, nhận chuyển nhượng từ năm 2011.

Thời điểm vợ chồng ông Lê Đình H, bà K nhận chuyển nhượng các thửa đất số 83, 84, 85, 86, 143 từ năm 2011 anh Lê Đình T sinh ngày 01/01/1996, anh Lê Đình L sinh ngày 03/8/1998 đều còn nhỏ, sống phụ thuộc hoàn toàn vào bố mẹ nuôi ăn học không có đóng góp công sức, tài sản để tạo lập các tài sản nêu trên. Quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm anh Lê Đình T, anh Lê Đình L cho rằng từ năm 2011 sau khi nghỉ học thì các anh có đóng góp công sức làm cỏ, tưới nước, trồng một số cà phê mới và trồng cây hồ tiêu nhưng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ để chứng minh. Mặt khác, các công việc mà anh T, anh L đóng góp chỉ là phụ giúp công việc gia đình không thể xem đây là công sức đóng góp để duy trì, phát triển tài sản và các thửa đất.

Ngoài ra, nguồn gốc các thửa đất nêu trên là do vợ chồng ông Lê Đình H, bà K nhận chuyển nhượng. Tuy nhiên, theo “*Đơn đề nghị cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất*” ngày 27/3/2013” thể hiện nguồn gốc các thửa đất nêu trên do khai hoang và nguồn gốc ghi trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp thể hiện: “*Công nhận quyền sử dụng đất như giao đất không thu tiền sử dụng đất*” là không có căn cứ. Mặt khác,

theo mẫu đơn kê khai xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất Mẫu số 01/ĐK-GCN ban hành kèm theo Thông tư số 17/2009/TT-BTNMT ngày 21/10/2009 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất thể hiện “*Cá nhân ghi họ tên, năm sinh, số giấy CMND; hộ gia đình ghi chữ “Hộ” trước họ tên, năm sinh, số giấy CMND của người đại diện cùng có quyền sử dụng đất và sở hữu tài sản của hộ*”. Tuy nhiên, theo đơn kê khai ông Lê Đình H chỉ khai họ tên của vợ chồng (ông Lê Đình H, bà Phạm Thị K) mà không ghi “Hộ ông Lê Đình H, bà Phạm Thị K”.

Do đó, có căn cứ để xác định các tài sản nêu trên anh Lê Đình T, anh Lê Đình L không có công sức đóng góp cho việc tạo dựng, duy trì và phát triển khối tài sản chung của vợ chồng ông Lê Đình H, bà K.

Từ những phân tích và nhận định trên có căn cứ để chấp nhận đơn kháng cáo của đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn – Sửa một phần bản án sơ thẩm số 01/2020/DSST ngày 13/01/2020 của Tòa án nhân dân huyện Ea H’leo, tỉnh Đắk Lắk theo hướng chấp nhận toàn bộ đơn khởi kiện của nguyên đơn.

[3] Về án phí và chi phí tố tụng:

[3.1]. Về chi phí thẩm định và định giá tài sản: Do chấp nhận toàn bộ đơn khởi kiện của bà Nguyễn Thị Hồng H nên ông Lê Đình H, bà Phạm Thị K phải chịu 1.000.000 đồng chi phí thẩm định và 3.000.000 đồng tiền định giá tài sản. Bà Nguyễn Thị Hồng H được nhận lại số tiền 4.000.000 đồng chi phí xem xét thẩm định và định giá tài sản sau khi thu được số tiền nêu trên từ ông Lê Đình H, bà Phạm Thị K.

[3.2] Về án phí:

- Án phí dân sự sơ thẩm: Vợ chồng ông Lê Đình H, bà Phạm Thị K phải chịu 300.000 đồng tiền án phí Dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho bà Nguyễn Thị Hồng H 300.000 đồng tạm ứng án phí Dân sự sơ thẩm đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện H theo biên lai số 000762 ngày 15/5/2019.

- Án phí dân sự phúc thẩm: Do đơn kháng cáo được chấp nhận nên bà Nguyễn Thị Hồng H không phải nộp tiền án phí dân sự phúc thẩm. Hoàn trả lại cho bà Nguyễn Thị Hồng H số tiền 300.000 đồng (do ông Lê Thanh K đã nộp) theo biên lai thu tiền số 0001390 ngày 03/02/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Đắk Lắk.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 148; khoản 2 Điều 308; Điều 309 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Chấp nhận đơn kháng cáo của ông Lê Thanh K là đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Hồng H.

Sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm số 01/2020/DSST ngày 13/01/2020 của Toà án nhân dân huyện Ea H'leo, tỉnh Đắk Lắk.

Tuyên xử:

[1]. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Hồng H.

Xác định công sức đóng góp tạo lập khối tài sản chung của Hộ ông Lê Đình H, bà Phạm Thị K như sau:

- Thửa đất số 83, tờ bản đồ 22, diện tích: 10.241m², địa chỉ: tại thôn 7, xã C, huyện H, đã được UBND huyện H cấp giấy CNQSDĐ số BN 562586, ngày 21/5/2013;

- Thửa đất số 84, tờ bản đồ 22, diện tích: 1.877 m², địa chỉ: tại thôn 7, xã C, huyện H, đã được UBND huyện H cấp giấy CNQSDĐ số BN 562587, ngày 21/5/2013;

- Thửa đất số 85, tờ bản đồ 22, diện tích: 5.178 m², địa chỉ: tại thôn 7, xã C, huyện H, đã được UBND huyện H cấp giấy CNQSDĐ số BN 562588, ngày 21/5/2013;

- Thửa đất số 86, tờ bản đồ 22, diện tích: 8.471 m², địa chỉ: tại thôn 7, xã C, huyện H, đã được UBND huyện H cấp giấy CNQSDĐ số BN 562589, ngày 21/5/2013;

- Thửa đất số 143, tờ bản đồ 20, diện tích: 8.560 m², địa chỉ: tại thôn 6b, xã C, huyện H, đã được UBND huyện H cấp giấy CNQSDĐ số BP 196265, ngày 25/7/2013;

Vợ chồng ông Lê Đình H, bà Phạm Thị K đóng góp toàn bộ công sức cho việc tạo lập, duy trì và phát triển khối tài sản nêu trên. Anh Lê Đình T, anh Lê Đình L không đóng góp công sức tạo lập, duy trì và phát triển khối tài sản nên không được hưởng phần giá trị nào trong khối tài sản này.

[2] Về án phí và chi phí tố tụng:

[2.1]. Về chi phí thẩm định và định giá tài sản: Do chấp nhận toàn bộ đơn khởi kiện của bà Nguyễn Thị Hồng H nên ông Lê Đình H, bà Phạm Thị K phải chịu 1.000.000 đồng chi phí thẩm định và 3.000.000 đồng tiền định giá tài sản. Hoàn trả lại cho bà Nguyễn Thị Hồng H số tiền 4.000.000 đồng chi phí xem xét thẩm định và định giá tài sản sau khi thu được từ ông Lê Đình H, bà Phạm Thị K.

[2.2] Về án phí:

- Án phí dân sự sơ thẩm: Vợ chồng ông Lê Đình H, bà Phạm Thị K phải chịu 300.000 đồng tiền án phí Dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho bà Nguyễn Thị Hồng H 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí Dân sự sơ thẩm đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện H theo biên lai thu tiền số 000762 ngày 15/5/2019.

- Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Nguyễn Thị Hồng H không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm và được nhận lại 300.000 đồng tạm ứng án phí phúc thẩm theo biên lai thu tiền số 0001390 ngày 03/02/2020 (do ông Lê Thanh K đã nộp) tại Chi cục thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Đắk Lắk.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND Cấp cao;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- TAND huyện Ea H'leo;
- Chi cục THADS huyện H;
- Các đương sự;
-;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM/HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Trần Duy Tuấn